

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG
CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2013
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN



TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

NỘI DUNG	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02 - 04
Báo cáo kiểm toán	05 - 06
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	07 - 09
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	12 - 30



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên (sau đây gọi tắt là "Tổng Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013.

KHÁI QUÁT CHUNG

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HDQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/01/2013.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ của Tổng Công ty theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu là 107.000.000.000 đồng (Một trăm linh bảy tỷ đồng chẵn).

Đến thời điểm ngày 31/12/2013, Tổng Công ty có 05 Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới), 10 Công ty con, 02 Công ty liên doanh và 02 Công ty liên kết, cụ thể:

Các Đơn vị hạch toán phụ thuộc (Đơn vị cấp dưới)

- COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng
- Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng
- Nhà máy cơ khí Quang Minh

Các Công ty con

- Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)
- Công ty cổ phần Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA 7)
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)
- Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)
- Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 18 (COMA 18)
- Công ty cổ phần Khóa Minh Khai
- Công ty cổ phần Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)
- Công ty TNHH MTV Kinh doanh Vật tư và Thiết bị số 27 (Coma 27)
- Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn

Các Công ty liên doanh

- Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma
- Công ty Liên doanh Cơ khí Hà Nội CEC

Các Công ty liên kết

- Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9
- Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 30 kèm theo.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Căn cứ công văn số 457/BXD-QLDN ngày 18/3/2014 của Bộ Xây dựng thì Tổng Công ty được chọn thời điểm cố phần hóa là ngày 30/6/2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, không còn sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên bao gồm

Ông Lê Văn Khương	Chủ tịch
Ông Dương Văn Hồng	Thành viên
Ông Lê Quân	Thành viên
Ông Phạm Việt Hùng	Thành viên
Ông Trịnh Nam Hải	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc và kế toán trưởng bao gồm

Ông Dương Văn Hồng	Tổng Giám đốc
Ông Trịnh Nam Hải	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Đức Uân	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sơn	Phó Tổng Giám đốc
Ông Phạm Việt Hùng	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Thế Thủy	Kế toán trưởng

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm

Ông Vũ Đức Đại	Kiểm soát viên
Bà Lê Thị Thanh	Kiểm soát viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam (AVA) (nay là Công ty TNHH Kiểm toán và Thẩm định giá Việt Nam) là đơn vị đủ điều kiện kiểm toán các doanh nghiệp niêm yết trên thị trường chứng khoán theo quy định của Ủy ban chứng khoán Nhà nước và Bộ Tài chính đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Tổng Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Tổng Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Tổng Công ty được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

TỔNG CÔNG TY CƠ KHÍ XÂY DỰNG - CÔNG TY TNHH MTV

Đ/c: Số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Tp Hà Nội

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Tổng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Tổng Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Tổng Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Tổng Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Tổng Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Tổng Công ty tại thời điểm ngày 31/12/2013, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 14 tháng 4 năm 2014

Thay mặt Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

74-
TY
HỮU
ÁN
NH
NA
IN-

Số: 429 /BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của
Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên

Kính gửi: Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc TCT Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Tổng công ty Cơ khí Xây dựng, được lập ngày 11/4/2014, từ trang 07 đến trang 30, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Tổng Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Việc xác định giá vốn của một số công trình thực hiện trong năm 2013 còn chưa nhất quán.

Trong năm 2013, Tổng Công ty có doanh thu từ dự án Skylight là hơn 259,4 tỷ đồng, giá vốn tương ứng tạm được xác định theo tỷ lệ lợi nhuận định mức của phương án kinh tế đầu tư dự án. Theo đó chi phí thuế TNDN sẽ được xác định lại khi cơ quan thuế thực hiện quyết toán.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng tại ngày 31/12/2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



TÔNG THỊ BÍCH LAN

P.Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 0060 - 2014 - 126 - 1

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ
THẨM ĐỊNH GIÁ VIỆT NAM (AVA)**

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2014

NGUYỄN TRUNG KIÊN

Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán 2349 - 2014 - 126 - 1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

Đơn vị tính: đồng

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		813.723.909.585	924.733.947.385
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		59.468.819.132	33.294.757.662
1. Tiền	111	V.01	59.468.819.132	30.794.757.662
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	2.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	30.732.847.103	12.590.300.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121		30.732.847.103	12.590.300.000
III. Các khoản phải thu	130		527.388.093.712	722.718.126.299
1. Phải thu của khách hàng	131		225.155.875.521	241.195.357.769
2. Trả trước cho người bán	132		61.993.515.371	61.921.897.333
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133	V.03	9.114.950.053	8.678.449.920
5. Các khoản phải thu khác	138	V.04	253.720.514.993	430.850.198.235
6. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi (*)	139		(22.596.762.226)	(19.927.776.958)
IV. Hàng tồn kho	140		150.509.060.074	116.167.199.803
1. Hàng tồn kho	141	V.05	150.509.060.074	116.167.199.803
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		45.625.089.564	39.963.563.621
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		5.736.867	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		460.772.840	322.245.502
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		16.639.045	17.335.646
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.06	45.141.940.812	39.623.982.473
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		711.249.905.732	833.639.633.769
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		144.188.982.025	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	144.188.982.025	-
II. Tài sản cố định	220		428.620.515.563	462.661.039.466
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	76.634.528.441	82.302.075.563
- Nguyên giá	222		130.385.721.158	130.873.156.476
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	223		(53.751.192.717)	(48.571.080.913)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.09	348.706.455.391	379.012.828.059
- Nguyên giá	228		348.808.180.392	379.067.736.392
- Giá trị hao mòn lũy kế(*)	229		(101.725.001)	(54.908.333)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.10	3.279.531.731	1.346.135.844
III. Bất động sản đầu tư	240		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.11	129.361.536.631	358.664.393.889
1. Đầu tư vào công ty con	251		127.000.833.098	292.275.778.497
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		28.260.759.574	27.725.199.574
3. Đầu tư dài hạn khác	258		24.120.338.740	72.421.948.740
4. Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn (*)	259		(50.020.394.781)	(33.758.532.922)
V. Tài sản dài hạn khác	260		9.078.871.513	12.314.200.414
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.12	2.948.202.144	3.184.932.807
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		6.036.673.255	8.960.955.646
3. Tài sản dài hạn khác	268		93.996.114	168.311.961
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		1.524.973.815.317	1.758.373.581.154

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

(Tiếp theo)

Đơn vị tính: đồng

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.406.469.380.320	1.648.837.039.418
I. Nợ ngắn hạn	310		997.454.731.028	1.314.510.984.126
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.13	120.727.251.153	112.120.943.016
2. Phải trả người bán	312		211.282.480.610	208.878.873.867
3. Người mua trả tiền trước	313		165.928.400.808	178.594.192.703
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.14	61.469.802.856	59.352.919.248
5. Phải trả công nhân viên	315		28.799.986.040	17.845.847.613
6. Chi phí phải trả	316	V.15	45.161.751.116	72.518.988.330
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.16	364.481.932.240	665.596.293.144
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		(396.873.795)	(397.073.795)
II. Nợ dài hạn	330		409.014.649.292	334.326.055.292
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.17	179.494.302.331	84.160.107.273
8. Doanh thu chưa thực hiện	338	V.18	229.520.346.961	250.165.948.019
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		118.504.434.997	109.536.541.736
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.19	112.937.229.129	103.179.231.154
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		121.217.505.682	121.217.505.682
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		157.198.610	157.198.610
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		78.338.037	78.338.037
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		31.606.459	31.606.459
10. Lợi nhuận chưa phân phối	420		(10.450.822.938)	(20.208.820.913)
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		1.903.403.279	1.903.403.279
II. Nguồn kinh phí và các quỹ khác	430		5.567.205.868	6.357.310.582
1. Nguồn kinh phí	432		5.424.348.714	3.176.707.322
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		142.857.154	3.180.603.260
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		1.524.973.815.317	1.758.373.581.154


CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

<u>CHỈ TIÊU</u>	<u>Mã số</u>	<u>Thuyết minh</u>	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
1. Tài sản thuê ngoài	001		-	-
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	002		370.399.173	370.399.173
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi	003		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý	004		1.347.591.800	1.266.345.368
5. Ngoại tệ các loại	007			
- USD			719.398,24	516,80
- EUR			56,20	56,20
- JPY			45.004	89.204
6. Dự toán chi hoạt động	008		-	-

Ghi chú: Các chỉ tiêu có số liệu âm được ghi trong ngoặc đơn ()

Người lập biểu


Chu T. H. Hieu

Kế toán trưởng


Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc


Đương Văn Hồng

BÁO CÁO
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

Mã số CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	V.20	610.999.687.247	756.888.703.619
2. Các khoản giảm trừ	02		-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		610.999.687.247	756.888.703.619
4. Giá vốn hàng bán	11	V.21	536.837.239.769	685.167.626.214
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		74.162.447.478	71.721.077.405
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	V.22	16.421.486.330	9.931.517.390
7. Chi phí tài chính	22	V.23	29.287.699.228	33.431.976.665
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		7.951.233.054	20.132.828.709
8. Chi phí bán hàng	24		1.205.604.373	164.569.101
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		36.634.960.636	39.062.922.329
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		23.455.669.571	8.993.126.700
11. Thu nhập khác	31	V.24	2.383.659.700	4.011.113.545
12. Chi phí khác	32	V.25	10.635.138.835	7.831.683.695
13. Lợi nhuận khác	40		(8.251.479.135)	(3.820.570.150)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		15.204.190.436	5.172.556.550
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	V.26	7.968.552.531	7.898.883.631
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	V.27	(2.522.135.070)	(3.607.681.621)
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		9.757.772.975	881.354.540

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Người lập biểu

Chau
Chau T. H. Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng
Dương Văn Hồng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Theo phương pháp trực tiếp
Năm 2013

Đơn vị tính: đồng

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01	714.089.221.253	717.000.461.537
2. Tiền chi trả người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02	(547.866.093.598)	(530.007.468.048)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03	(42.436.919.034)	(44.514.134.087)
4. Tiền chi trả lãi vay	04	(21.829.604.097)	(25.491.997.804)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05	(3.000.000.000)	(444.925.557)
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06	56.973.798.286	57.437.317.484
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07	(80.117.742.285)	(110.612.370.764)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	75.812.660.525	63.366.882.761
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, XD TSCĐ và các TSDH khác	21	(49.117.542.463)	(48.964.308.466)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22	4.545.455	1.568.594.842
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	(83.642.547.103)	(36.290.614.656)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	65.500.000.000	56.290.614.656
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	-	(110.930.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	5.000.000.000	6.188.421.540
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.535.817.210	6.456.919.352
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(59.719.726.901)	(14.861.302.732)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	206.329.096.904	50.732.220.049
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(196.247.905.042)	(83.932.036.912)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	10.081.191.862	(33.199.816.863)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	26.174.125.486	15.305.763.166
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60	33.294.757.662	17.987.462.264
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(64.016)	1.532.232
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	59.468.819.132	33.294.757.662

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Người lập biểu

Uông

Chu T. H. Hòa

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Lê Thế Thủy

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Hình thức sở hữu vốn

Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được thành lập theo quyết định số 993/BXD-TCLĐ ngày 20/11/1995 của Bộ Xây dựng trên cơ sở tổ chức sắp xếp lại các Đơn vị của Liên hiệp các Xí nghiệp Cơ khí Xây dựng thuộc Bộ Xây dựng. Theo Quyết định số 94/TĐSD-HĐQT ngày 30/6/2010 của Hội đồng quản trị Tập đoàn Sông Đà, Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng chuyển đổi mô hình hoạt động sang Công ty TNHH Một thành viên. Theo Quyết định số 915/QĐ-BXD ngày 18/10/2012 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng thì quyền và nghĩa vụ chủ sở hữu vốn nhà nước tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng được chuyển giao từ Tập đoàn sông Đà về Bộ Xây dựng. Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0100106553 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29/11/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 23/01/2013. Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

Trụ sở chính của Tổng Công ty tại số 125D Phố Minh Khai - Quận Hai Bà Trưng - Thành phố Hà Nội.

2. Ngành nghề kinh doanh

- Sản xuất thùng, bể chứa và dụng cụ chứa đựng bằng kim loại ;
- Rèn, dập, ép và cán kim loại, luyện bột kim loại ;
- Sản xuất các cấu kiện kim loại ;
- Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại ;
- Kinh doanh bất động sản;
- Giáo dục nghề nghiệp;
- Dịch vụ đưa người lao động đi làm việc ở nước ngoài; Đào tạo, đào tạo lại, bồi dưỡng nâng cao tay nghề cho cán bộ, công nhân kỹ thuật các chuyên ngành cơ khí, xây dựng; kinh doanh khách sạn, nhà hàng, dịch vụ du lịch (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường);
- Dịch vụ cho thuê nhà, văn phòng làm việc;
- Thẩm tra thiết kế, tư vấn đấu thầu và thiết kế, thi công xây lắp, cung cấp vật tư, thiết bị, quản lý dự án;
- Giám sát thi công xây dựng công trình đường bộ, lĩnh vực chuyên môn giám sát xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát thi công xây dựng công trình dân dụng, lĩnh vực chuyên môn giám sát: xây dựng và hoàn thiện;
- Giám sát lắp đặt hệ thống điện các công trình xây dựng dân dụng và công nghiệp, hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế hệ thống điện cho các công trình: dân dụng, công nghiệp và hạ tầng kỹ thuật;
- Thiết kế quy hoạch xây dựng, thiết kế kiến trúc công trình;
- Tư vấn đầu tư và xây dựng các dự án phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, điện, hạ tầng viễn thông, dầu khí, các dự án công nghiệp, dân dụng, hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu du lịch, bao gồm: lập và thẩm tra dự án đầu tư;
- Thi công xây lắp công trình công nghiệp dân dụng giao thông (đường bộ, đường sắt, bến cảng), thủy lợi (công trình trạm bơm, kênh mương, đê kè, hồ đập), cấp thoát nước, công trình kỹ thuật hạ tầng đô thị và khu công nghiệp; thi công các hệ thống điện công nghiệp, điện điều khiển và điện dân dụng, công trình đường dây và trạm biến thế điện;
- Thi công lắp đặt các dây chuyền thiết bị đồng bộ;
- Dịch vụ vận tải, xếp dỡ;
- Sản xuất vật liệu cho ngành điện, vật liệu xây dựng ;
- Sản xuất, phân phối điện;
- Kinh doanh dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;

- Sản xuất dây chuyền thiết bị đồng bộ, vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng, công cụ, phụ kiện, các sản phẩm phục vụ ngành xây dựng, điện, giao thông vận tải, thủy lợi, khai thác mỏ và các ngành kinh tế kỹ thuật khác;
- Tổng thầu EPC các dự án đầu tư xây dựng phát triển cơ khí, vật liệu xây dựng, hạ tầng viễn thông, dầu khí các dự án dân dụng, công nghiệp;

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (đồng).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ - BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn sửa đổi, bổ sung chế độ kế toán Doanh nghiệp.

Trong năm tài chính 2013, Tổng Công ty đồng thời áp dụng thông tư 220/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 về việc hướng dẫn thực hiện một số điều của nghị định số 71/2013/NĐ-CP ngày 11/7/2013 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý tài chính đối với doanh nghiệp do nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Bộ Tài chính đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính: Nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính tổng hợp được trình bày theo nguyên tắc giá gốc;

Các Đơn vị trực thuộc hình thành bộ máy kế toán riêng, hạch toán phụ thuộc. Báo cáo tài chính của Công ty mẹ được lập trên cơ sở tổng hợp Báo cáo tài chính của các Đơn vị trực thuộc. Doanh thu, chi phí và số dư công nợ giữa các Đơn vị trực thuộc được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính của Công ty mẹ;

Công tác kế toán được tiến hành độc lập tại Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng - Công ty TNHH Một thành viên; COMA 1 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng; COMA 15 - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng; Trung tâm Xuất nhập khẩu - Chi nhánh Tổng Công ty Cơ khí Xây dựng; Trường Trung cấp nghề Cơ khí Xây dựng và Nhà máy cơ khí Quang Minh.

Một số khoản giao dịch nội bộ phát sinh giữa Tổng Công ty với các Đơn vị thành viên và giữa các Đơn vị thành viên trong Tổng Công ty chưa được loại trừ hoàn toàn trong Báo cáo tài chính tổng hợp này.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối năm các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi Tổng Công ty mở tài khoản công bố vào ngày kết thúc niên độ kế toán (*Theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp*);

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

3. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc, trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại;

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp thực tế đích danh;

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

4. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại;

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính phù hợp với thời gian khấu hao quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

Tài sản cố định vô hình là giá trị quyền sử dụng đất không xác định thời hạn nên không thực hiện trích khấu hao.

5. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ Công ty con, Công ty liên doanh và Công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư;

Chứng khoán và các khoản đầu tư khác được ghi nhận theo giá gốc. Các khoản đầu tư chứng khoán và đầu tư khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là tương đương tiền;
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm kết thúc kỳ kế toán, là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”;

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phạt trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay;

Tỷ lệ vốn hóa trong kỳ là 0%.

7. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính;

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm gồm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn; Chi phí sửa chữa tài sản cố định phát sinh một lần quá lớn.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

8. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

9. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Trong kỳ, Tổng Công ty ghi nhận chênh lệch tỷ giá theo Thông tư 179/2012/TT-BTC ngày 24/10/2012 quy định về việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ phải thu, phải trả có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong năm tài chính.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành trong kỳ phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Doanh thu hoạt động tài chính

Là doanh thu phát sinh từ lãi tiền gửi ngân hàng, cổ tức, lợi nhuận được chia, được ghi nhận trên cơ sở thông báo về lãi tiền gửi hàng tháng của ngân hàng. Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm: Chi phí cho vay và đi vay vốn; Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

12. Công cụ tài chính*Tài sản tài chính*

Theo Thông tư 210/2009/TT-BTC, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp cho mục đích thuyết minh trong báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản sẵn sàng để bán. Tổng Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Các tài sản tài chính của Tổng Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay, các công cụ tài chính được niêm yết và không được niêm yết và các công cụ tài chính phái sinh.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Tổng Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp liên quan đến việc phát hành.

Nợ phải trả tài chính của Tổng Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và vay và các công cụ tài chính phái sinh.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên Báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần; hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành;

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp;

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Các bên liên quan

Các bên được xem là có liên quan đến một bên phát sinh các mối quan hệ trực tiếp hay gián tiếp, để kiểm soát các bên khác hoặc có khả năng gây ảnh hưởng đáng kể đến các bên liên quan nếu có mối quan hệ kiểm soát thường xuyên hoặc có thể gây ảnh hưởng đáng kể. Nghiệp vụ với các bên liên quan được Tổng Công ty trình bày tại mục VI.1 trong Thuyết minh báo cáo tài chính.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1 . Tiền	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Tiền mặt tại quỹ	4.438.684.638	1.295.425.778
Tiền gửi ngân hàng	55.030.134.494	29.499.331.884
Cộng	59.468.819.132	30.794.757.662
2 . Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Đầu tư ngắn hạn	30.732.847.103	12.590.300.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	30.732.847.103	12.590.300.000
Cộng	30.732.847.103	12.590.300.000
3 . Phải thu nội bộ ngắn hạn	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Công ty Cơ khí và xây lắp số 7 (COMA 7)	824.432.418	592.257.313
Công ty Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	2.916.602.390	3.012.722.635
Công ty cổ phần xây lắp và thương mại - COMA 25	260.231.000	260.231.000
Công ty Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	1.535.740.940	1.535.740.940
Công ty Khoá Minh Khai (COMA 8)	294.783.305	220.234.554
Công ty Cơ khí và xây lắp Thái Bình (COMA 16)		231.103.478
Công ty Cơ khí và Xây lắp số 9 (COMA 9)	56.639.651	56.639.651
Công ty Cơ khí xây lắp điện và phát triển hạ tầng (COMA 18)	2.858.883.340	2.401.883.340
Công ty cổ phần Cơ khí và xây lắp Sông Chu (COMA 17)	367.637.009	367.637.009
Cộng	9.114.950.053	8.678.449.920
4 . Các khoản phải thu khác	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Phải thu về cổ tức và lợi nhuận được chia	1.687.515.111	1.687.515.111
Phải thu khác	252.032.999.882	429.162.683.124
<i>Phải thu các Công ty con tiền gốc vay và lãi vay</i>	<i>122.315.324.496</i>	<i>120.796.619.726</i>
<i>Phải thu tiền gốc vay của Công ty CP XM Đồng Bành ⁽¹⁾</i>	<i>73.656.271.496</i>	<i>215.540.361.890</i>
<i>Phải thu tiền lãi vay của Công ty CP XM Đồng Bành</i>	<i>8.437.984.289</i>	<i>8.437.984.289</i>
<i>Phải thu quyết toán dự án thiết bị nâng chuyển</i>	<i>34.333.595.049</i>	<i>34.279.772.382</i>
<i>Phải thu Tập đoàn Hoàng Phát Vissan - Mua CP XM Đồng Bành</i>	<i>12.093.032.645</i>	-
<i>Phải thu khác</i>	<i>1.196.791.907</i>	<i>50.107.944.837</i>
Cộng	253.720.514.993	430.850.198.235
5 . Hàng tồn kho	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Nguyên liệu, vật liệu	2.326.363.829	1.146.215.412
Công cụ, dụng cụ	107.713.114	85.865.063
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	148.074.983.131	114.935.119.328
Cộng	150.509.060.074	116.167.199.803

⁽¹⁾Theo HĐTD số 08/2011/HĐTD/TĐSD-XMĐB ngày 27/9/2011 (số cho vay nguyên tệ 3.493.633,33 USD), thời gian cho vay 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích: cho Công ty CP XM Đồng Bành vay để trả nợ cho Tập đoàn Sông Đà (trả nợ khoản vay đã sử dụng cho dự án xây dựng nhà máy xi măng Đồng Bành).

6 . Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Tài sản thiếu chờ xử lý	145.531.611	153.753.813
Tạm ứng	21.722.339.205	10.881.891.392
Ký cược, ký quỹ ngắn hạn	23.274.069.996	28.588.337.268
Cộng	45.141.940.812	39.623.982.473

7 . Phải thu dài hạn khác	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Phải thu Công ty CP XM Đồng Bành ⁽¹⁾	144.188.982.025	-
	144.188.982.025	-

⁽¹⁾ Theo HĐTD số: 2012/HĐTD/COMA-XMĐB ngày 25/8/2012 (số cho vay nguyên tệ 3.370.676,27 USD) và HĐTD số 04/2012/HĐTD/TĐSD-XMĐB ngày 25/02/2012 (số cho vay nguyên tệ 3.468.401,90 USD), thời gian cho vay 3 năm kể từ ngày nhận nợ. Mục đích: cho Công ty CP XM Đồng Bành vay để trả nợ cho Tập đoàn Sông Đà (trả nợ khoản vay đã sử dụng cho dự án xây dựng nhà máy xi măng Đồng Bành).

8 . Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình	Đơn vị tính: đồng				
Khoản mục	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị DCQL	Cộng
Nguyên giá TSCĐ					
Số dư đầu kỳ	89.017.590.091	17.708.160.818	12.853.711.101	11.293.694.466	130.873.156.476
Số tăng trong kỳ	439.389.090	169.000.000	1.345.786.746	70.680.000	2.024.855.836
- Mua trong năm		169.000.000	1.345.786.746	70.680.000	1.585.466.746
- Tăng do điều chuyển từ đơn vị khác	439.389.090				439.389.090
Số giảm trong kỳ	28.864.446	984.016.804	409.010.344	1.090.399.560	2.512.291.154
- Giảm khác ^(*)	28.864.446	535.121.012	24.029.091	933.824.710	1.521.839.259
- Thanh lý, nhượng bán		448.895.792	384.981.253	156.574.850	990.451.895
Số dư cuối kỳ	89.428.114.735	16.893.144.014	13.790.487.503	10.273.974.906	130.385.721.158
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	19.745.991.085	10.087.701.845	10.919.661.629	7.817.726.354	48.571.080.913
Số tăng trong kỳ	3.812.858.744	1.859.382.998	776.650.096	971.971.778	7.420.863.616
- Khấu hao trong kỳ	3.812.858.744	1.859.382.998	776.650.096	963.342.778	7.412.234.616
- Phân loại lại				8.629.000	8.629.000
Số giảm trong kỳ	33.362.446	942.839.374	400.647.290	863.902.702	2.240.751.812
- Giảm khác ^(*)	29.733.446	488.943.582	15.666.037	709.726.478	1.244.069.543
- Thanh lý, nhượng bán		448.895.792	384.981.253	154.176.224	988.053.269
- Phân loại lại	3.629.000	5.000.000			8.629.000
Số dư cuối kỳ	23.525.487.383	11.004.245.469	11.295.664.435	7.925.795.430	53.751.192.717
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu kỳ	69.271.599.006	7.620.458.973	1.934.049.472	3.475.968.112	82.302.075.563
Tại ngày cuối kỳ	65.902.627.352	5.888.898.545	2.494.823.068	2.348.179.476	76.634.528.441

- Nguyên giá TSCĐ tại 31/12/2013 đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng 17.602.445.012 đồng

^(*) Giảm nguyên giá và hao mòn lũy kế của tài sản cố định không đủ điều kiện theo thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính.

- Giá trị còn lại của TSCĐ tại 31/12/2013 đã dùng để thế chấp, cầm cố, đảm bảo các khoản vay 1.827.877.827 đồng

9 . Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Đơn vị tính: đồng

Khoản mục	Phần mềm quản lý	Quyền sử dụng đất	Cộng
Nguyên giá TSCĐ			
Số dư đầu kỳ	158.450.000	378.909.286.392	379.067.736.392
Số tăng trong kỳ	-	-	-
Số giảm trong kỳ	-	30.259.556.000	30.259.556.000
- Giảm khác		30.259.556.000	30.259.556.000
Số dư cuối kỳ	158.450.000	348.649.730.392	348.808.180.392
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	54.908.333	-	54.908.333
Số tăng trong kỳ	46.816.668	-	46.816.668
- Khấu hao trong kỳ	46.816.668	-	46.816.668
Số giảm trong kỳ	-	-	-
Số dư cuối kỳ	101.725.001	-	101.725.001
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu kỳ	103.541.667	378.909.286.392	379.012.828.059
Tại ngày cuối kỳ	56.724.999	348.649.730.392	348.706.455.391

- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất 125D Minh Khai: 112.654.347.520 đồng
- Giá trị quyền sử dụng đất lâu dài tại khu đất 2.5HH Lê Văn Thèm: 235.995.382.872 đồng
- Tổng cộng 348.649.730.392 đồng**

10 . Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Xây dựng cơ bản dở dang	3.279.531.731	1.346.135.844
- Dự án nhà chung cư 125D Minh Khai Skylight	199.664.718	
- Dự án Nhà máy chế tạo thiết bị nâng chuyển	384.566.423	577.525.618
- Lô đất E11 Phạm Hùng	162.880.986	26.347.350
- Dự án 2.5HH Lê Văn Thèm	1.796.246.728	233.852.728
- Dự án cụm công nghiệp Hợp Thịnh-Hiệp Hoà-Bắc Giang		5.650.000
- Các công trình khác	736.172.876	502.760.148
Cộng	3.279.531.731	1.346.135.844

11 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

	Số lượng CP/Tỷ lệ	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
		đồng	Giá trị	đồng	Giá trị
Đầu tư vào Công ty con		127.000.833.098		292.275.778.497	
Cty CP CK XD số 2 Hà Bắc	765.000	9.381.853.244	765.000	9.381.853.244	
Cty CP XD và LM điện nước số 3	310.000	3.100.000.000	310.000	3.100.000.000	
Cty CP CK và XL số 7	1.020.000	10.200.000.000	1.020.000	10.200.000.000	
Cty CP CK và XL Thái Bình	321.642	3.216.420.000	321.642	3.216.420.000	
Cty CP CK và XL Sông Chu	510.000	6.463.959.735	510.000	5.443.959.735	
Cty CP CK XD số 18	6.854.400	72.445.500.000	6.854.400	65.101.500.000	
Cty CP Xi măng Đồng Bành (*)			17.114.295	173.638.945.399	
Cty CP Khóa Minh Khai	348.566	3.485.660.000	348.566	3.485.660.000	
Cty CP CKXD&LMĐN (COMAEL)	566.925	5.669.250.000	566.925	5.669.250.000	
Cty TNHH MTV XL & KDVTTB	100%	12.938.190.119	100%	12.938.190.119	
Cty SX-XNK DV và PT nông thôn	100%	100.000.000	100%	100.000.000	

11 . Các khoản đầu tư tài chính dài hạn (tiếp)

	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng	Số cuối kỳ		Số đầu kỳ	
			Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị	Số lượng CP/Tỷ lệ	Giá trị
Đầu tư vào Công ty liên doanh, Công ty liên kết	28.260.759.574	27.725.199.574				
<i>Cty LD đồng hồ nước Zenner-Coma</i> 31%	1.178.013.753	1.178.013.753	31,00%			
<i>Cty LD cơ khí Hà Nội CEC</i> 39,16%	5.555.940.000	5.555.940.000	39,16%			
<i>Cty CP CK và đầu tư xây dựng số 9</i> 900.000	9.852.892.891	9.317.332.891	900.000			
<i>Cty CP XL và TM COMA 25</i> 1.071.000	11.673.912.930	11.673.912.930	1.071.000			
Đầu tư dài hạn khác	24.120.338.740	72.421.948.740				
<i>Cty CP điện lực dầu khí Nhơn Trạch 2</i>	4.485.000.000	4.485.000.000				
<i>Liên danh TCT với Cty CP XD Thành Nam, Cty CP PT đô thị Việt Hưng</i>	6.826.000.000	6.826.000.000				
<i>Cty CP địa ốc Coma</i>	3.285.720.000	3.285.720.000				
<i>Cty COMARE</i>	562.478.011	562.478.011				
<i>Cty CP thủy điện Hương Sơn</i> 330.439 (**)	3.304.390.000	51.606.000.000	5.160.600			
<i>Cty CP Cơ khí Xây dựng số 5</i> 61.370	696.950.729	696.950.729	61.370			
<i>Cty CP cơ khí xây dựng Đại Mỗ (COMA 6)</i>	4.959.800.000	4.959.800.000				
Dự phòng giảm giá chứng khoán đầu tư dài hạn	(50.020.394.781)	(33.758.532.922)				
<i>Cty CP XD và LM điện nước số 3 (COMA 3)</i>	(3.100.000.000)	(3.100.000.000)				
<i>Cty CP CK và XL số 7 (COMA 7)</i>	(10.200.000.000)	(10.200.000.000)				
<i>Cty CP Khóa Minh Khai</i>	(3.485.660.000)	(2.383.314.393)				
<i>Cty CP CKXD&LMĐN (COMAEL)</i>	(5.669.250.000)	(5.610.000.000)				
<i>Cty CP CK XD số 18 (COMA 18)</i>	(9.647.255.957)					
<i>Cty CP CK XD Đại Mỗ</i>	(105.520.425)					
<i>Cty CP XL và TM COMA 25</i>	(10.710.000.000)	(10.710.000.000)				
<i>Cty TNHHMTV XL & KDVTTB (COMA27)</i>	(7.102.708.399)	(1.755.218.529)				
Cộng	129.361.536.631	358.664.393.889				

Danh sách các Công ty con, Công ty liên doanh, Công ty liên kết quan trọng

Tên công ty	Quan hệ	Vốn đầu tư của chủ sở hữu tại ngày 31/12/2013	Vốn góp theo mệnh giá của TCT tại ngày 31/12/2013	Tỷ lệ góp
Cty CP CK XD số 2 Hà Bắc	Công ty con	14.889.700.000	7.650.000.000	51,38%
Cty CP XD và LM điện nước số 3	Công ty con	5.242.000.000	3.100.000.000	59,14%
Cty CP CK và XL số 7	Công ty con	18.646.250.000	10.200.000.000	54,70%
Cty CP CK và XL Thái Bình	Công ty con	5.515.815.580	3.216.420.000	58,31%
Cty CP CK và XL Sông Chu	Công ty con	9.881.491.694	5.100.000.000	51,61%
Cty CP CK XD số 18	Công ty con	134.399.470.000	68.544.000.000	51,00%
Cty CP Khóa Minh Khai	Công ty con	6.600.000.000	3.485.660.000	52,81%
Cty CP CKXD&LMĐN (COMAEL)	Công ty con	11.000.000.000	5.669.250.000	51,54%
Cty TNHHMTV XL & KDVTTB	Công ty con	12.938.190.118	12.938.190.119	100,00%
Cty SX-XNK DV và PT nông thôn	Công ty con	100.000.000	100.000.000	100,00%
Cty LD đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	2.998.125.337	929.418.854	31,00%
Cty LD cơ khí Hà Nội CEC	Công ty liên doanh	14.187.972.485	5.555.940.000	39,16%
Cty CP CK và đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết	45.000.000.000	9.000.000.000	20,00%
Cty CP XL và TM COMA 25	Công ty liên kết	52.000.000.000	10.710.000.000	20,60%

(*) Trong năm Tổng Công ty đã thanh lý khoản đầu tư vào Công ty Xi măng Đồng Bành cho công ty TNHH Tập đoàn Hoàng Phát Vissai

Giá gốc là	173.638.945.399
Giá bán thanh lý	171.142.940.000 ⁽¹⁾
Lỗ thanh lý	2.496.005.399

⁽¹⁾ trong đó:

Số tiền Hoàng Phát đã chuyển khoản trả cho Tổng Công ty	5.000.000.000
Số tiền bù trừ công nợ	154.049.907.355
Số tiền Hoàng Phát còn nợ	12.093.032.645

(**) Trong đó có 267.500 cổ phần sẽ được chuyển nhượng cho các cá nhân đã ủy thác đầu tư cho Tổng Công ty theo QĐ số 137/QĐ-HĐTV ngày 10/07/2013

12 . Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Công cụ dụng, cụ chờ phân bổ	405.651.378	187.108.968
Chi phí sửa chữa lớn	341.248.948	596.522.021
Chi phí chờ phân bổ khác		-
Chi phí hạ tầng cơ sở khu công nghiệp	2.201.301.818	2.401.301.818
Cộng	2.948.202.144	3.184.932.807

13 . Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Vay ngắn hạn	120.727.251.153	111.768.199.016
NH Công thương Việt Nam - CN Hai Bà Trưng ⁽¹⁾	4.913.336.767	3.005.708.326
Công ty CP Tài chính sông Đà		22.000.000.000
NH TMCP Đông Nam Á (Seabank)		45.175.674.380
Sở giao dịch NH Đầu tư và Phát triển Việt Nam		-
Sở giao dịch NH Đầu tư và Phát triển Hà Tây	3.815.655.252	5.203.720.017
NH TMCP Quân Đội - CN Hai Bà Trưng ⁽²⁾	84.307.287.662	13.223.605.803
Tập đoàn Sông Đà	2.022.065.982	13.854.000.000
Vay huy động vốn cá nhân	25.668.905.490	9.305.490.490
Vay dài hạn đến hạn trả	-	352.744.000
- NH Công thương VN - CN Nam Thăng Long		-
- NH Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn - Hồng Hà		232.000.000
- NH TMCP kỹ thương Việt Nam		120.744.000
Cộng	120.727.251.153	112.120.943.016

⁽¹⁾ HĐTD số 57/2013-HĐTDTL/NHCT142-TCTCKXD ngày 22/08/2013, hạn mức là 10 tỷ đồng, thời hạn vay là 12 tháng, mục đích vay là để chi lương 6 tháng cuối năm 2013 cho CB CNV, lãi suất cho vay thả nổi.

⁽²⁾ HĐTD số 325.13.065.19339 ngày 26/06/2013, hạn mức vay là 113 tỷ đồng, mục đích vay là bổ sung vốn lưu động để hoàn thiện 02 tòa nhà chung cư 22 tầng thuộc Dự án khu nhà ở cao cấp Skylight; lãi suất thả nổi cho từng lần nhận nợ; tài sản đảm bảo là hợp đồng tiền gửi số 61.13.065.19339.TG ngày 26/06/2013, giá trị tài sản đảm bảo là 15,5 tỷ đồng; hợp đồng bảo đảm số 370.13.065/19339.HĐTC ngày 18/07/2013 giá trị tài sản đảm bảo 330 tỷ đồng và hợp đồng bảo đảm số 369.13.065.19339.HĐTC ngày 18/7/2013 giá trị tài sản đảm bảo là 67,4 tỷ đồng.

14 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Thuế giá trị gia tăng phải nộp	38.224.629.092	36.329.233.875
Thuế thu nhập doanh nghiệp	15.516.368.034	16.050.795.151
Thuế thu nhập cá nhân	502.258.120	455.239.016
Tiền thuê đất, thuế nhà đất	6.663.810.410	5.954.914.006
Các loại thuế khác	453.384.778	453.384.778
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	109.352.422	109.352.422
Cộng	61.469.802.856	59.352.919.248

Quyết toán thuế của Tổng Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15 . Chi phí phải trả	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Chi phí trích trước của CN TP Hồ Chí Minh	20.359.295	20.359.295
Lãi vay phải trả	4.309.731.919	2.548.486.466
Chi phí kiểm toán Báo cáo tài chính	270.000.000	250.000.000
Công trình nhà máy Xi măng Bút Sơn 2	1.616.803.161	1.196.858.490
Công trình cầu bộ hành	4.747.936.795	
Công trình Xi măng Bim Sơn	375.800.631	375.800.631
Cung thi đấu điền kinh Indoorgame	2.410.014.904	4.815.001.290
Ký túc xá ĐHSP	92.224.600	92.224.600
Chi phí công trình trường ĐH Thể dục Thể thao Bắc Ninh	1.853.078.858	
Chi phí dự án thiết bị nâng chuyển	98.005.888	98.005.888
Chi phí công trình cầu vượt thép Nguyễn Tri Phương	3.681.610.481	
Chi phí công trình chung cư Skylight	22.142.956.250	61.919.881.669
Chi phí trích trước các công trình của Coma 1	3.241.522.580	894.285.756
Chi phí trích trước các công trình của Coma 15	49.020.754	195.804.245
Chi phí phải trả khác của TT XNK	17.545.000	15.950.000
Chi phí phải trả khác của NM cơ khí Quang Minh	235.140.000	96.330.000
Cộng	45.161.751.116	72.518.988.330

16 . Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Kinh phí công đoàn	1.013.331.139	1.606.667.325
Bảo hiểm xã hội	2.906.460.537	1.886.460.232
Bảo hiểm y tế, thất nghiệp	1.350.017.973	1.266.123.364
Các khoản phải trả, phải nộp khác	359.212.122.591	660.837.042.223
<i>Phải trả lãi vay</i>	<i>488.750.000</i>	<i>15.755.210.453</i>
<i>Vay Công ty Xi măng Đồng Bành</i>		<i>138.144.096.000</i>
<i>Huy động vốn mua nhà liền kề</i>	<i>2.677.500.000</i>	<i>15.700.000.000</i>
<i>Phải trả Comaland và Vietradico - dự án 2.5HH</i>	<i>245.000.000.000</i>	<i>245.000.000.000</i>
<i>Vay Comare</i>	<i>1.962.793.607</i>	<i>2.018.415.559</i>
<i>Vay Tập đoàn Sông Đà ⁽¹⁾</i>	<i>73.656.271.496</i>	<i>215.540.361.890</i>
<i>Lãi vay Tập đoàn Sông Đà</i>	<i>8.437.984.289</i>	<i>8.437.984.289</i>
<i>Phí báo trì nhà chung cư</i>	<i>5.393.746.860</i>	
<i>Phạt chậm nộp thuế</i>	<i>15.245.579.954</i>	<i>6.510.592.713</i>
<i>Phải trả khác</i>	<i>6.349.496.385</i>	<i>13.730.381.319</i>
Cộng	364.481.932.240	665.596.293.144

(1) Theo HĐTD số 08/2011/HĐTD/TĐSD-XMĐB ngày 27/9/2011 (số vay nguyên tệ 3.493.633,33 USD), thời gian vay 06 tháng kể từ ngày nhận nợ. Mục đích: vay của Tập đoàn Sông Đà để cho công ty CP xi măng Đồng Bành vay lại (trả nợ vay đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Đồng Bành).

17 . Vay dài hạn và nợ dài hạn	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
<i>Vay dài hạn</i>	<u>144.188.285.058</u>	<u>78.480.000</u>
Tập đoàn Sông Đà ⁽¹⁾	144.188.285.058	
Ngân hàng NN và PTNT chi nhánh Hồng Hà		78.480.000
<i>Nợ dài hạn</i>	<u>35.306.017.273</u>	<u>84.081.627.273</u>
Phải trả người ủy thác ĐT tiền chuyển nhượng cổ phiếu XM Đồng Bành	32.631.000.000	33.105.000.000
Huy động vốn Công ty cổ phần thủy điện Hương Sơn ⁽²⁾	2.675.017.273	50.976.627.273
Cộng	<u>179.494.302.331</u>	<u>84.160.107.273</u>

(1) Theo HĐTD số 26/2012/HĐTD/TĐSD-COMA ngày 23/8/2012 (số vay nguyên tệ 3.370.676,27 USD) và HĐTD số 04/2012/HĐTD/TĐSD-XMĐB ngày 25/02/2012 (số vay nguyên tệ 3.468.401,90 USD), thời gian vay 03 năm kể từ ngày nhận nợ. Mục đích vay của Tập đoàn Sông Đà để cho công ty CP xi măng Đồng Bành vay lại (trả nợ vay đầu tư xây dựng nhà máy xi măng Đồng Bành).

(2) Tương ứng với 267.500 cổ phần sẽ được chuyển nhượng cho các cá nhân đã ủy thác cho Tổng Công ty theo QĐ số 137/QĐ-HĐTV ngày 10/7/2013

18 . Doanh thu chưa thực hiện	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Thu tiền theo tiến độ dự án Skylight	229.520.346.961	250.165.948.019
Cộng	<u>229.520.346.961</u>	<u>250.165.948.019</u>

19 . Vốn chủ sở hữu

19.1. *Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu* (Chi tiết tại trang 29 của Báo cáo này)

19.2. *Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu*

	Số cuối kỳ đồng	Số đầu kỳ đồng
Vốn Nhà nước	121.217.505.682	121.217.505.682
Cộng	<u>121.217.505.682</u>	<u>121.217.505.682</u>

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

20 . Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Doanh thu bán hàng	31.906.536.798	34.467.885.287
Doanh thu của hợp đồng xây dựng	309.116.618.819	331.703.833.237
Doanh thu bán bất động sản - Dự án Skylight	259.453.247.654	375.939.952.550
Doanh thu cung cấp dịch vụ	10.523.283.976	14.777.032.545
Cộng	<u>610.999.687.247</u>	<u>756.888.703.619</u>

21 . Giá vốn hàng bán

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá vốn của thành phẩm, hàng hóa đã bán	30.960.344.275	34.378.371.870
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	277.017.101.779	300.284.923.646
Giá vốn bán bất động sản - Dự án Skylight	225.442.658.943	345.513.308.425
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	3.417.134.772	4.991.022.273
Cộng	<u>536.837.239.769</u>	<u>685.167.626.214</u>

22 . Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền gửi	2.215.582.392	4.788.037.132
Cổ tức, lợi nhuận được chia (*)	9.219.794.818	1.668.882.220
Thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần		3.433.440.819
Lãi vay phải thu của các đơn vị	2.653.350.004	
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	27.050.299	41.157.219
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phải thu XM Đồng Bành	2.304.194.664	
Doanh thu hoạt động tài chính khác	1.514.153	
Cộng	16.421.486.330	9.931.517.390

(*) Cổ tức, lợi nhuận được chia

Cổ tức nhận được năm nay

Cổ tức các năm trước được ghi theo TT 220/2013/TT- BTC ngày 31/12/2013

9.219.794.818	đồng
320.234.818	đồng
8.899.560.000	đồng

23 . Chi phí tài chính

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Lãi tiền vay	7.951.233.054	20.132.828.709
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.640.729	75.498.670
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	269.768.922	14.577.252.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện phải trả Tổng Công ty Sông Đà	2.304.194.664	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	16.261.861.859	(1.353.602.746)
Lỗ thanh lý khoản đầu tư tại XM Đồng Bành	2.496.000.000	
Cộng	29.287.699.228	33.431.976.665

24 . Thu nhập khác

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	76.220.286	1.561.049.387
Thu tiền phạt do chấm dứt hợp đồng mua căn hộ Skylight	50.000.000	
Thu nhập khác	2.257.439.414	2.450.064.158
Cộng	2.383.659.700	4.011.113.545

25 . Chi phí khác

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý	2.398.626	867.019.093
Chi phí phạt	8.412.193.922	6.304.708.846
Lãi chậm nộp BHXH	42.181.307	
Chi phí khác	2.178.364.980	659.955.756
Cộng	10.635.138.835	7.831.683.695

26 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	7.968.552.531	7.898.883.631
Cộng	7.968.552.531	7.898.883.631

27 . Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

	Năm nay đồng	Năm trước đồng
Thuế TNDN tạm nộp trên giá trị vốn huy động	(2.522.135.070)	(3.607.681.621)
Cộng	(2.522.135.070)	(3.607.681.621)

VII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Tổng Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan, các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Giá trị giao dịch (đồng)
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con	Doanh thu bán hàng	4.581.378.203
			Cổ tức được chia của các	765.000.000
			Bù trừ công nợ	16.713.495.099
			Cho vay	14.048.866.778
			Thu tiền cho vay	6.000.000.000
			Chi phí thuê máy lọc tôn	41.612.318
2	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	Công ty con	Bù trừ công nợ	14.266.511.881
			Doanh thu dịch vụ	720.258.276
			Cho vay	33.721.144.026
3	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA 7)	Công ty con	Doanh thu phí thương hiệu Coma	232.175.105
			Doanh thu điện nước	210.243.544
			Bù trừ công nợ	16.584.233.145
			Cho vay	42.289.299.081
4	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Công ty con	Cổ tức được chia năm nay	92.316.818
			Bù trừ công nợ	92.316.818
			Chi phí thuê nhân công	1.529.197.000
5	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Công ty con	Bù trừ công nợ	10.932.000
			Chi phí thuê nhân công	17.630.000
6	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 18 (COMA 18)	Công ty con	Doanh thu phí thương hiệu Coma	457.000.000
7	Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	22.152.513
8	Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	18.321.253
9	Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	Doanh thu phí thương hiệu Coma	338.320.616
			Bù trừ công nợ	373.781.278
10	Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty con	Doanh thu dịch vụ	96.932.696
			Nhận tiền cổ tức của các năm trước	93.000.000

11	Công ty cổ phần Cơ khí và ĐT Xây dựng số 9	Công ty con	Nhận tiền cổ tức được chia năm nay	227.918.000
12	Công ty TNHH Thiết bị XL (COMA 27)	Công ty con	Cho vay	1.493.285.618
			Cổ tức được chia của các năm trước	89.962.500
			Chi phí dịch vụ	240.000.000

Cho đến ngày lập Báo cáo tài chính, các khoản chưa được thanh toán với các bên liên quan như sau:

TT	Các bên liên quan	Mối quan hệ	Nội dung nghiệp vụ	Phải thu/(Phải trả) (đồng)
1	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 2 Hà Bắc (COMA 2)	Công ty con	Phải thu khác	2.057.910.313
			Phải trả người bán	(39.191.857.691)
			Trả trước người bán	3.711.391.054
2	Công ty CP Xây dựng và Lắp máy điện nước số 3 (COMA 3)	Công ty con	Phải thu nội bộ	1.535.740.940
			Phải thu khách hàng	897.298.015
			Phải thu khác	44.112.889.061
			Phải trả người bán	(7.791.233.745)
			Trả trước người bán	2.517.120.825
3	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp số 7 (COMA 7)	Công ty con	Phải thu nội bộ	824.432.418
			Phải trả người bán	(7.630.513.437)
			Trả trước người bán	4.774.987.268
			Phải thu khác	51.180.995.891
4	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Thái Bình (COMA 16)	Công ty con	Phải trả người bán	(11.929.719.639)
5	Công ty cổ phần Cơ khí và Xây lắp Sông Chu (COMA 17)	Công ty con	Phải thu nội bộ	367.637.009
			Trả trước người bán	347.251.198
			Phải trả người bán	(33.917.125.385)
			Phải thu khách hàng	1.381.883.030
			Phải thu khác	7.660.873.429
6	Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 18 (COMA 18)	Công ty con	Phải thu nội bộ	2.858.883.340
			Phải thu khác	22.946.469.864
			Phải trả người bán	(5.336.073.378)
			Trả trước người bán	1.175.337.983
			Phải trả khác	(87.959.596)
7	Công ty cổ phần Xi măng Đồng Bành		Phải thu khác	224.002.713.943
8	Công ty cổ phần Khóa Minh Khai	Công ty con	Phải thu nội bộ	294.783.305
			Phải thu khác	9.342.154.608
			Phải trả người bán	(227.372.600)
9	Công ty CP Cơ khí xây dựng và Lắp máy điện nước (COMAEL)	Công ty con	Phải thu nội bộ	2.916.602.390
			Phải trả người bán	(11.443.080.655)
			Trả trước người bán	1.727.264.261
			Phải thu khác	16.821.104.140

10 Công ty TNHH MTV KD VT và TB số 27 (Coma 27)	Công ty con	Phải trả người bán	(4.436.697.951)
		Phải thu khác	14.358.222.003
11 Công ty TNHH MTV Sản xuất - Xuất nhập khẩu và dịch vụ phát triển nông thôn	Công ty con	Phải trả khác	(1.500.000.000)
12 Công ty Liên doanh Đồng hồ nước Zenner-Coma	Công ty liên doanh	Phải thu khác	148.800.000
13 Công ty Liên doanh Cơ khí Hà Nội CEC	Công ty liên doanh	Phải trả người bán	(99.964.035)
14 Công ty cổ phần Cơ khí và Đầu tư xây dựng số 9	Công ty liên kết	Phải thu nội bộ	56.639.651
		Phải thu khác	61.427.542
15 Công ty cổ phần Xây lắp và Thương mại COMA 25	Công ty liên kết	Phải thu nội bộ	260.231.000
		Phải thu khác	508.271.154
		Phải thu khách hàng	176.481.000
		Phải trả người bán	(1.499.036.464)
16 Công ty cổ phần Cơ khí Xây dựng số 5	Công ty liên kết	Phải trả người bán	(972.384.503)

2 . Công cụ tài chính

2.1 Quản lý rủi ro vốn

Tổng Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Tổng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Tổng Công ty gồm vốn thuộc sở hữu của các chủ sở hữu (bao gồm vốn điều lệ trừ đi lỗ lũy kế).

2.2 Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Tổng Công ty áp dụng đối với từng loại tài sản chính và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh IV.12.

2.3 Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	31/12/2013 đồng	01/01/2013 đồng	00/01/1900 đồng	00/01/1900 đồng
Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương đương tiền	59.468.819.132	33.294.757.662	59.468.819.132	33.294.757.662
Phải thu khách hàng	225.155.875.521	241.195.357.769	202.559.113.295	221.267.580.811
Phải thu khác	253.720.514.993	430.850.198.235	253.720.514.993	430.850.198.235
Cộng	538.345.209.646	705.340.313.666	515.748.447.420	685.412.536.708
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả người bán	211.282.480.610	208.878.873.867	211.282.480.610	208.878.873.867
Phải trả khác	364.481.932.240	665.596.293.144	364.481.932.240	665.596.293.144
Chi phí phải trả	45.161.751.116	72.518.988.330	45.161.751.116	72.518.988.330
Các khoản vay	300.221.553.484	196.281.050.289	300.221.553.484	196.281.050.289
Cộng	921.147.717.450	1.143.275.205.630	921.147.717.450	1.143.275.205.630

Tổng Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày 31/12/2012 do Thông tư 210/2009/TT-BTC cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (Bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

Rủi ro thị trường

Hoạt động kinh doanh của Tổng Công ty sẽ chủ yếu chịu sự rủi ro khi thay đổi về giá. Tổng Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động do thay đổi lãi suất thị trường. Rủi ro về thay đổi lãi suất thị trường của Tổng Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản vay.

Tổng Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách theo dõi chặt chẽ tình hình thị trường có liên quan để xác định các chính sách lãi suất hợp lý có lợi cho các mục đích quản lý giới hạn rủi ro của Tổng Công ty.

Tổng Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Tổng Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công cụ nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong kỳ ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Tổng Công ty tin rằng có thể tạo ra trong kỳ đó. Chính sách của Tổng Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Tổng Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng dưới đây được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Tổng Công ty phải trả.

	Dưới 1 năm đồng	Trên 1 năm đồng	Tổng cộng đồng
Số cuối năm			
Các khoản vay	120.727.251.153	179.494.302.331	300.221.553.484
Phải trả người bán và phải trả khác	575.764.412.850	-	575.764.412.850
Chi phí phải trả	45.161.751.116	-	45.161.751.116
Tổng cộng	741.653.415.119	179.494.302.331	921.147.717.450
Số đầu năm			
Các khoản vay	112.120.943.016	84.160.107.273	196.281.050.289
Phải trả người bán và phải trả khác	874.475.167.011	-	874.475.167.011
Chi phí phải trả	72.518.988.330	-	72.518.988.330
Tổng cộng	1.059.115.098.357	84.160.107.273	1.143.275.205.630

Tổng Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tổng Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Tài sản đảm bảo

Tổng công ty có tài sản đảm bảo thế chấp cho các đơn vị khác tại ngày 31/12/2013 được thuyết minh tại V.8 và V.13.

3 . Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Căn cứ công văn số 457/BXD-QLDN ngày 18/3/2014 của Bộ Xây dựng thì Tổng Công ty được chọn thời điểm cổ phần hóa là ngày 30/6/2014.

Ngoài ra, không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

4 . Số liệu so sánh

Số dư đầu kỳ trên Bảng cân đối kế toán được lấy theo số liệu trên Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31/12/2012 chuyển sang ngày 01/01/2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Kế toán Hà Nội.

Người lập biểu

Chu T. H. Hoa

Kế toán trưởng

Lê Thế Thủy

Hà Nội, ngày 11 tháng 4 năm 2014

Tổng Giám đốc



Dương Văn Hồng